

Bản án số: 140/2025/ DS-ST

Ngày: 02 - 6 -2025

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán và vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T1 GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỖNH VĂN DŨNG**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên
tòa: Không có tham gia.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh
Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/ 2025/TLST-DS ngày 20
tháng 01 năm 2025 về tranh chấp Hợp đồng mua bán và vay tài sản theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 125 /2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Hồng T**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T1 Giang.

Đại diện ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1977

Nơi cư trú: 121A Phạm Thanh, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1981.

2.2. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: tổ 9, ấp L, xã Mỹ Lợi A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà H xin vắng mặt; ông T1, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị **Lê Thị Hồng T** tại đơn khởi kiện trình bày: Ngày
19/7/2024 ông T1, bà N có mua vật liệu xây dựng và mượn T1 chị với số T1 là

73.669.000 đồng. Đến ngày 22/7/2024, ông T1, bà N mượn 50.000.000đồng, hứa vài ngày sẽ trả. Tổng số T1 ông T1, bà N nợ chị là 123.669.000 đồng. Chị yêu cầu ông T1, bà N trả 123.669.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị N vắng mặt không tham gia tố tụng và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả T1 mua bán và vay tài sản còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt của đương sự: Đại diện uỷ quyền nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị N dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông bà.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, căn cứ hoá đơn mua hàng ngày 19/7/2024 thể hiện ông T1, bà N thiếu chị T 68.669.000 đồng T1 mua bán và 5.000.000đồng T1 vay; đồng thời giấy biên nhận ngày 22/7/2024 ông T1, bà N tiếp tục vay chị T 50.000.000đồng, có chữ ký xác nhận nợ. Như vậy, có cơ sở xác định giữa chị T và vợ chồng ông N, bà T1 có phát sinh giao dịch dân sự. Đối với ông bà dù được triệu tập tham gia tố tụng N lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia hoà giải, xét xử, không có lời trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Đây là ông bà tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi gì thì ông bà tự gánh chịu. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông T1, bà N phải trả cho chị T tổng số T1 123.669.000 đồng là có cơ sở.

[3]. Án phí: Ông T1, bà N phải chịu án phí theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVHU14 ngày 30/12/2016 do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng T.

Buộc ông Nguyễn Thanh T1 và bà Nguyễn Thị N phải trả cho chị Lê Thị Hồng T tổng số T1 123.669.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Ông Nguyễn Thanh T1 và bà Nguyễn Thị N phải chịu 6.183.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại chị Lê Thị Hồng T 3.092.000 đồng T1 tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016432 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T1, bà N chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản T1 lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

